

2023



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Hội sở chính

Tòa nhà Corner Stone, Số 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội



MỤC LỤC

06		Thông điệp của Ban lãnh đạo
07		Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
08		Định hướng phát triển
09		Địa bàn hoạt động
10		Sơ đồ tổ chức
12		Hội đồng Quản trị
13		Ban Kiểm soát
14		Ban Điều hành
16		Hành trình phát triển
18		Hoạt động nổi bật năm 2023
22		Kết quả hoạt động năm 2023
24		Ngân hàng Bán lẻ và Doanh nghiệp
26		Kinh doanh Thẻ và Ngân hàng điện tử
28		Kinh doanh tiền tệ
36		Báo cáo kiểm toán độc lập
37		Báo cáo tình hình tài chính
40		Báo cáo kết quả hoạt động
41		Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
43		Thuyết minh báo cáo tài chính

DANH MỤC VIẾT TẮT

Ban Tổng Giám đốc	BTGD
Ban lãnh đạo	BLĐ
Bancassurance	Banca
Ban Kiểm soát	BKS
Cán bộ nhân viên	CBNV
Công nghệ thông tin	CNTT
Chi nhánh	CN
Đại hội đồng cổ đông	ĐHĐCĐ
Đơn vị kinh doanh	ĐVKD
Đơn vị thành viên	ĐVTV
Hội đồng Quản trị	HĐQT
Khách hàng doanh nghiệp	KHDN
Khách hàng cá nhân	KHCN
Ngân hàng bán lẻ	NHBL
Ngân hàng doanh nghiệp	NHDN
Ngân hàng Nhà nước	NHNN
Ngân hàng thương mại	NHTM
Quản lý rủi ro	QLRR
Tài sản bảo đảm	TSBĐ
Tập đoàn Bảo Việt	TĐBV
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	BVNT
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	BHBV
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	CKBV
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	QLQBV
Bất động sản	BĐS

Tài liệu này là tài sản của Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BAOVIET Bank), không tổ chức và cá nhân nào được phép sao chép, chỉnh sửa.

KỶ NIỆM THÀNH LẬP




PHẦN 1

TỔNG QUAN

THÔNGIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Kính gửi: Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý cổ đông cùng toàn thể CBNV BAOVIET Bank!

Năm 2023 là một năm thật đặc biệt đối với BAOVIET Bank, ghi nhận sự thành công trong công tác điều hành của Ban lãnh đạo Ngân hàng với việc hoàn thành vượt mức phần lớn các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông đặt ra cũng như định hướng của Ban lãnh đạo.

Trong bối cảnh khó khăn, thách thức nhiều hơn cơ hội và thuận lợi, tình hình diễn biến phức tạp của nền kinh tế, BAOVIET Bank vẫn gặt hái được nhiều kết quả khả quan, khá toàn diện trong kết quả kinh doanh với những dấu ấn nổi bật để chào mừng kỷ niệm 15 năm ngày thành lập (14/1/2024): Tổng tài sản đạt gần 85.000 tỷ đồng, tổng huy động vốn thị trường 1 đạt gần 55.000 tỷ đồng, quy mô tín dụng xấp xỉ 50.000 tỷ đồng, tổng thu nhập thuần tăng 41% so với năm 2022, tổng lợi nhuận trước thuế đạt gần 90 tỷ đồng.

Những kết quả đạt được kể trên không những góp phần củng cố niềm tin của cổ đông, khách hàng, đối tác vào sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành BAOVIET Bank, mà còn góp phần nâng cao uy tín BAOVIET Bank trên thị trường tài chính ngân hàng. Mỗi kết quả đạt được là nhờ sự đồng lòng phối hợp của cả hệ thống, chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo, nỗ lực hết mình của cán bộ nhân viên BAOVIET Bank trong suốt năm qua.

Xác định năm 2024 sẽ tiếp tục là một năm đầy thách thức trong thời đại chuyển đổi số, cũng như sự cạnh tranh ngày một gia tăng trên thị trường, chúng ta luôn chuẩn bị sẵn tâm thế và sự chủ động cùng với một tinh thần quyết liệt, trách nhiệm cao nhất để đối mặt và thích ứng với những thách thức này. Để đạt được điều đó, toàn hệ thống phải đảm bảo động lực tăng trưởng, tiếp tục đồng lòng và quyết tâm thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Hội đồng quản trị sẽ luôn sát cánh cùng Ban điều hành trong việc triển khai các nhiệm vụ kinh doanh năm 2024.

Ban Lãnh đạo luôn tin tưởng với những đóng góp của toàn thể cán bộ nhân viên, chúng ta sẽ đạt được hiệu quả kinh doanh tốt nhất trong hành trình xây dựng một Ngân hàng trẻ vững mạnh, một thương hiệu BAOVIET Bank hiện đại và gần gũi với khách hàng.

Kính chúc Quý vị tràn đầy sức khỏe, thành công và hạnh phúc!

TẦM NHÌN

"Trở thành ngân hàng hàng đầu về chất lượng dịch vụ và giải pháp tài chính toàn diện Bảo hiểm - Đầu tư - Tài chính - Ngân hàng".

SỨ MỆNH

Xây dựng một ngân hàng hiện đại, để cao tính chuẩn mực trong quản trị điều hành và hoạt động, đảm bảo mức độ cao nhất về chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng, thông qua đó tạo giá trị gia tăng bền vững cho cổ đông, lợi ích dài hạn cho nhân viên và thực hiện tốt trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

BAOVIET Bank hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, mở rộng kinh doanh trên nền tảng ổn định và hiệu quả, gắn tăng trưởng quy mô với việc bảo đảm an toàn trong hoạt động, đáp ứng những chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, BAOVIET Bank cũng nỗ lực xây dựng và đổi mới hệ thống ngân hàng ngày một hiện đại, hướng đến việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đặt ra, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động.

Ngành nghề kinh doanh

BAOVIET Bank cung cấp đầy đủ và toàn diện các dịch vụ tài chính ngân hàng như: Huy động vốn, Tín dụng, Thanh toán và Ngân quỹ, Giao dịch ngoại tệ, Tài trợ thương mại, Chiết khấu giấy tờ có giá, Quản lý dòng tiền, Ủy thác và Nhận ủy thác và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN Việt Nam cho phép.

Chiến lược trung hạn

Với mục tiêu trở thành ngân hàng hàng đầu về chất lượng dịch vụ và giải pháp tài chính toàn diện, BAOVIET Bank đã xác định rõ định hướng chiến lược trung hạn là tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh với mục tiêu an toàn, hiệu quả, bền vững.

Từng bước nâng cao năng lực tài chính và tái cấu trúc ngân hàng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng dịch vụ, mở rộng quy mô hoạt động đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

Đẩy mạnh phát triển thương hiệu, đưa thương hiệu BAOVIET Bank lan tỏa sâu rộng trên cả nước, được các tổ chức và cá nhân tín nhiệm sử dụng dịch vụ tài chính ngân hàng.

Phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ, tối đa hóa bán chéo dịch vụ, tăng tỷ trọng doanh thu từ phí dịch vụ trong tổng doanh thu của BAOVIET Bank.

Bên cạnh đó, BAOVIET Bank sẽ tiếp tục triển khai nhiều hoạt động hướng đến cộng đồng, thực hiện trách nhiệm doanh nghiệp đối với xã hội.



ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

BAOVIET Bank có trụ sở chính đặt tại số 16 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Hệ thống Chi nhánh và các Phòng Giao dịch của BAOVIET Bank được đặt tại các thành phố lớn là các trung tâm kinh tế trọng điểm của cả nước.



57

Điểm giao dịch



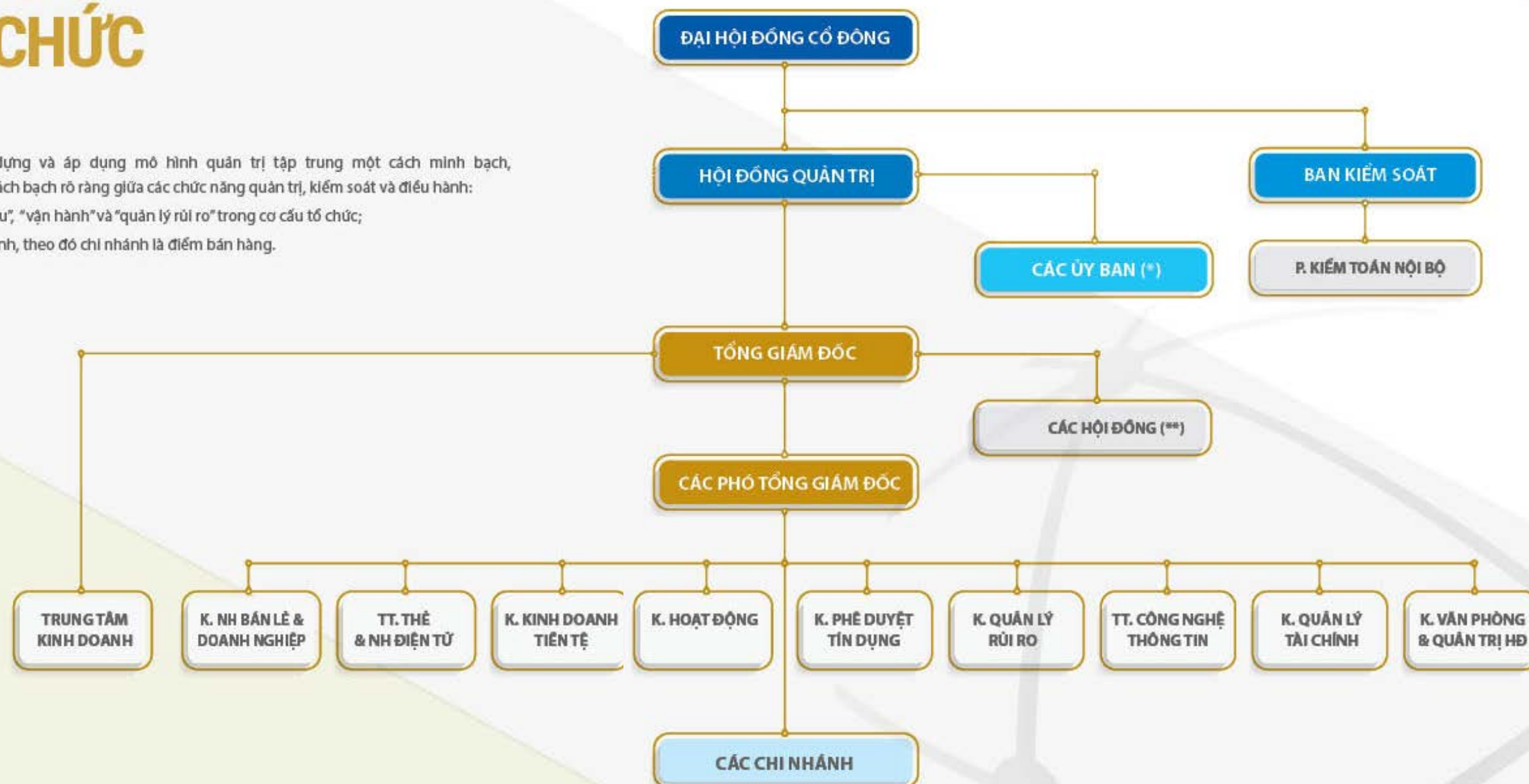
90

CRM/ ATM

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

BAOVIET Bank đã từng bước xây dựng và áp dụng mô hình quản trị tập trung một cách minh bạch, hướng theo chuẩn mực quốc tế với sự tách bạch rõ ràng giữa các chức năng quản trị, kiểm soát và điều hành:

- Tách bạch chức năng "tạo doanh thu", "vận hành" và "quản lý rủi ro" trong cơ cấu tổ chức;
- Quản lý tập trung cao về Hội Sở chính, theo đó chi nhánh là điểm bán hàng.



Ghi chú:

(*) Các ủy ban: Ủy ban thành lập để đề xuất, tham mưu, giúp việc cho HĐQT phù hợp với quy mô hoạt động của BAOVIET Bank từng thời kỳ.

(**) Các hội đồng: Các hội đồng thành lập để đề xuất, tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác giám sát, quản lý, điều hành hoạt động của BAOVIET Bank theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 19/5/2018 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng thương mại và các văn bản khác có liên quan.

Cơ cấu tổ chức được điều chỉnh phù hợp với quy định pháp luật và mô hình hoạt động của BAOVIET Bank trong từng thời kỳ.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị BAOVIET Bank quyết định chiến lược kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch hàng năm của ngân hàng. Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề về tổ chức, bộ máy điều hành của toàn ngân hàng; đưa ra các quyết định về thành lập các đơn vị thuộc BAOVIET Bank; ban hành các quy chế về tổ chức, quản trị và hoạt động trong ngân hàng theo đúng điều lệ của BAOVIET Bank đã được NHNN chuẩn y.

Ông LƯU QUYẾT THẮNG

Chủ tịch HĐQT

Kỹ sư Kinh tế

Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và quản trị điều hành doanh nghiệp lớn.

Ông TÔN QUỐC BÌNH

Phó Chủ tịch HĐQT

Tiến sỹ Tin học

Kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, ngân hàng, quản trị doanh nghiệp.

Ông BÙI VĂN PHÚC

Phó Chủ tịch HĐQT

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, tài chính doanh nghiệp.

Ông NGUYỄN HỒNG TUẤN

Phó Chủ tịch HĐQT

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, đầu tư tài chính, chứng khoán, quản trị doanh nghiệp.

Ông NGUYỄN ĐÌNH AN

Thành viên HĐQT

Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

Kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư tài chính, quản trị doanh nghiệp.



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát là những cán bộ giàu kinh nghiệm và có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực kiểm toán, kế toán, tài chính, ngân hàng.

Ông BÙI QUANG VŨ

Trưởng Ban Kiểm soát

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng.

Bà LÊ ANH PHƯƠNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Cử nhân Tài chính Kế toán

Kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, đầu tư tài chính.

Bà NGUYỄN THỊ VÂN ANH

Thành viên Ban Kiểm soát

Thạc sỹ Kinh tế

Kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, đầu tư tài chính.



BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành của BAOVIET Bank hội tụ các thành viên được đào tạo căn bản trong và ngoài nước, từng đảm nhận những vị trí quan trọng tại các định chế tài chính có uy tín tại Việt Nam.

Ông CAO NAM GIANG Quyền Tổng Giám đốc

Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán và quản trị doanh nghiệp.

Ông TÔN QUỐC BÌNH Phó Tổng Giám đốc

Tiến sỹ Tin học
Kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, ngân hàng, quản trị doanh nghiệp.

Ông LẠI VĂN HẢI Phó Tổng Giám đốc

Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Ông NGUYỄN CÔNG NGHĨA Phó Tổng Giám đốc

Kỹ sư Tin học
Kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, ngân hàng.

Bà NGUYỄN QUỲNH ANH Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Khối Quản lý tài chính

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng.

CHUYỂN ĐỔI SỐ HÀNH TRÌNH MỚI



HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN



HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT

Trong bối cảnh khó khăn, thách thức nhiều hơn cơ hội và thuận lợi, tình hình diễn biến phức tạp của nền kinh tế, BAOVIET Bank vẫn hoàn thành vượt mức phần lớn các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh.

Hoàn thiện bộ sản phẩm với chính sách bán hàng có tính cạnh tranh cao cho KHDN và KHCN, ra mắt sản phẩm cho vay có TSBD dành cho CBNV TĐBV, tư vấn viên BVNT; Mở rộng liên kết đối tác tác BĐS và ô tô...



Thu nhập thuần của Kinh doanh tiền tệ vượt 176% kế hoạch; Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối tăng gần 150%; Đầu tư GTCG của TCTD tăng trưởng mạnh hơn 2,9 lần so với năm 2022.



Khai thác hệ sinh thái TĐBV đạt hiệu quả vượt bậc về phát triển cộng tác viên bán hàng, khai thác nhu cầu vay vốn, doanh số bảo hiểm và lợi nhuận từ dịch vụ thu hộ phí bảo hiểm.



Hoạt động Thẻ & Ngân hàng điện tử vượt kế hoạch các chỉ tiêu về User Mobile Banking, User Internet Banking, Huy động Online, Dự nợ thẻ tín dụng nội địa; BAOVIET Smart được nhận giải thưởng "Ứng dụng Mobile Banking thân thiện khách hàng năm 2023".

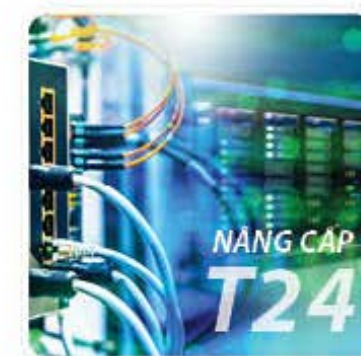


Thực hiện báo cáo công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn, rà soát chấm điểm xếp hạng tín dụng đối với toàn bộ các khoản vay và tài sản bảo đảm theo quy định tại Thông tư số 41 của NHNN.



Thí điểm mô hình "Digi Hub" - booth tích hợp CRM và ATM.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, ban hành chức năng nhiệm vụ từng đơn vị; Tuyển dụng và đào tạo ưu tiên đáp ứng phục vụ kinh doanh; Triển khai thử nghiệm KPI và cơ cấu thu nhập dựa trên kết quả công việc tại ĐVKD.



Tập trung thực hiện lộ trình chuyển đổi số với các dự án quan trọng: Nâng cấp T24 từ phiên bản R12 Desktop lên R21 WebBrowser; Giải pháp phần mềm hỗ trợ giao dịch và phát triển kinh doanh Smart RM, Smart Form.



Tổ chức chuỗi sự kiện, hoạt động văn hoá doanh nghiệp, thể thao, từ thiện, các cuộc thi hướng đến kỷ niệm 15 năm thành lập, được truyền thông đa kênh nhằm quảng bá thương hiệu.

THẺ TÍN DỤNG NỘI ĐỊA

✓ Thanh toán **DỄ DÀNG** ✓ Muôn vàn **LỢI ÍCH**



MIỄN PHÍ

- › Phí phát hành
- › Phí thường niên năm đầu

PHẦN 2

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2023 khép lại với nhiều khó khăn, thách thức của thị trường và biến động lớn trong ngành ngân hàng, hoạt động kinh doanh của BAOVIET Bank đã đạt được những thành công nhất định. Các chỉ tiêu về quy mô và hiệu quả kinh doanh đều tăng trưởng tích cực.

Tính đến 31/12/2023, tổng tài sản đạt gần 85 nghìn tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2022; tổng thu nhập thuần đạt gần 1.970 tỷ đồng, tăng 41% so với năm 2022; Lợi nhuận trước thuế đạt gần 90 tỷ đồng; Tổng huy động vốn thị trường 1 đạt gần 55.000 tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2022; Tổng tín dụng đạt xấp xỉ 50.000 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2022.

Mạng lưới giao dịch, thanh toán tại BAOVIET Bank liên tục được mở rộng và đảm bảo ổn định với 57 điểm giao dịch, 50 ATM, 40 CRM và hơn 100 POS trên khắp cả nước, mô hình booth tích hợp CRM và ATM với tên gọi là "Digi Hub" được triển khai thí điểm tại Tòa nhà Bảo Việt số 233 Đồng Khởi, TP. Hồ Chí Minh, nhằm hướng tới phục vụ đầy đủ, liền mạch các nhu cầu giao dịch ngân hàng của khách hàng một cách hoàn toàn tự động.

Năm 2023 cũng là năm vô cùng quan trọng trong việc triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn 2020-2025: Tập trung triển khai lộ trình chuyển đổi số. Trong những năm gần đây, BAOVIET Bank luôn chú trọng đầu tư phát triển công nghệ, không ngừng đổi mới, sáng tạo nhằm gia tăng tiện ích, tối đa hóa trải nghiệm và sự hài lòng của khách hàng cũng như nâng cao hiệu suất, tối ưu hiệu quả hoạt động kinh doanh. Tính đến cuối năm 2023, số lượng khách hàng đăng ký sử dụng ứng dụng ngân hàng số BAOVIET Smart tăng vượt bậc, cán mốc hơn 115.000 users. Việc đưa vào triển khai sử dụng hệ thống Hỗ trợ giao dịch và phát triển kinh doanh dịch vụ Ngân hàng - Smart RM - Smart Form, hệ thống core T24 phiên bản mới giúp cải tiến quy trình, rút ngắn thời gian và tiến độ xử lý hồ sơ, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Các dịch vụ thu phí bảo hiểm qua kênh ngân hàng điện tử cũng góp phần gia tăng lợi nhuận dịch vụ gấp 5,7 lần so với năm 2022.

Hoạt động kinh doanh tiền tệ đóng góp tỷ trọng không nhỏ trong lợi nhuận chung của ngân hàng, thu nhập thuần vượt 176,35% so với kế hoạch và tăng gần gấp 9 lần so với năm 2022.

Trong công tác phát triển sản phẩm và hỗ trợ kinh doanh, để kịp thời hỗ trợ cho các doanh nghiệp, cá nhân trong bối cảnh suy thoái kinh tế, BAOVIET Bank đã tiếp tục thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp hỗ trợ như ưu đãi lãi suất cho vay, giảm phí dịch vụ. Các sản phẩm, dịch vụ được xây dựng và điều chỉnh theo hướng phù hợp với thị trường, có tính cạnh tranh nhưng vẫn đảm bảo quản trị rủi ro cho ngân hàng. Nằm trong hệ sinh thái TĐBV, BAOVIET Bank luôn chú trọng thúc đẩy quan hệ hợp tác với các đơn vị thành viên của Tập đoàn, khai thác bán chéo sản phẩm nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận.

Hoạt động quản trị rủi ro được củng cố và nâng cao, ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực. Ngân hàng đã thực hiện báo cáo công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn, rà soát chấm điểm xếp hạng tín dụng đối với toàn bộ khoản vay và tài sản bảo đảm theo quy định tại Thông tư số 41 của NHNN. Song song với đó là việc cải tiến quy định nội bộ, chỉnh sửa ban hành nhiều quy định mới thay thế các quy định không phù hợp về chính sách tín dụng và định giá, đào tạo nghiệp vụ cho ĐVKD, tăng cường công tác kiểm soát chất lượng định giá, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ.

Công tác chăm sóc khách hàng, nhân sự, truyền thông, phát triển văn hóa doanh nghiệp có nhiều dấu ấn rõ rệt: Việc thực hiện bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ tại quầy được tiến hành định kỳ hàng tháng trên toàn hệ thống nhằm nâng cao ý thức tuân thủ quy định, quy trình nghiệp vụ. Cơ cấu tổ chức nhân sự được hoàn thiện, đã ban hành chức năng nhiệm vụ từng đơn vị, triển khai thử nghiệm KPI và cơ cấu thu nhập dựa trên kết quả công việc tại ĐVKD. Nhiều chương trình khuyến mại, ưu đãi, ra mắt tính năng sản phẩm, sự kiện, hoạt động văn hoá doanh nghiệp, thể thao, từ thiện, cuộc thi hướng đến kỷ niệm 15 năm thành lập BAOVIET Bank được tổ chức và truyền thông đa kênh nhằm thúc đẩy kinh doanh và quảng bá thương hiệu.

Toàn cảnh kết quả hoạt động năm 2023 là dấu ấn quan trọng trong chặng đường 15 năm phát triển của BAOVIET Bank. Hành trình phát triển mới của BAOVIET Bank được mở ra, mục tiêu cao nhất là duy trì sự tăng trưởng ổn định, bền vững với những chiến lược kinh doanh phù hợp trong từng giai đoạn.

Năm 2024, BAOVIET Bank bám sát định hướng tăng trưởng khách hàng trọng tâm, tổ chức quy hoạch phát triển kinh doanh theo chuỗi khách hàng, chú trọng vào các tiêu chí về hiệu quả kinh doanh. Trước hết là duy trì chăm sóc và khai thác các khách hàng hiện hữu nhằm ổn định quy mô bền vững.

BAOVIET Bank có cơ hội để tiếp cận khai thác tệp KHDN và KHCN thuộc hệ sinh thái Bảo Việt: Gia tăng doanh số cho vay KHCN thông qua khai thác tệp khách hàng tiềm năng là CBNV, tư vấn viên và khách hàng hiện hữu của BVNT, BHBV, CKBV bằng sản phẩm vay chuyên biệt, mức giá phí hấp dẫn, đồng thời đẩy mạnh thi đua, cơ chế hoa hồng hấp dẫn thu hút tư vấn viên từ các ĐVTN trên làm cộng tác viên cho BAOVIET Bank. Ngoài ra, mở rộng phát triển kênh liên kết đối tác, khai thác tài trợ KHCN trên cơ sở hợp tác với các chủ đầu tư mà BAOVIET Bank tài trợ dự án, tài trợ các đại lý xe và garage.

Đối với KHDN: Tăng trưởng tín dụng nhóm KH SMEs: SME+++, SME plus, SME fast, SME open, MSE Easy; nhóm gạo, tài trợ dự án vốn ngân sách nhà nước; Phát triển chuỗi ngành ô tô.

Tiếp tục triển khai lộ trình chuyển đổi số thông qua việc thực hiện đầu tư công nghệ nhằm phát triển, cải tiến sản phẩm dịch vụ thể và ngân hàng điện tử; Tập trung phát triển khách hàng sử dụng hai sản phẩm trọng tâm là ứng dụng ngân hàng số BAOVIET Smart và thẻ tín dụng nội địa.

Với hoạt động kinh doanh tiền tệ: Mở rộng và cấp, quản lý hạn mức giao dịch cho các định chế tài chính đảm bảo yêu cầu kinh doanh, quản lý rủi ro hiệu quả; đẩy mạnh hoạt động Treasury Sales.

Ngoài ra, Ngân hàng sẽ áp dụng bộ KPI mới bao gồm các nhóm chỉ tiêu: Quy mô, hiệu quả, Bancas, ngân hàng điện tử và một số chỉ tiêu cộng điểm, trong đó, chú trọng nhóm chỉ tiêu hiệu quả (lợi nhuận) với trọng số chiếm 45% nhằm đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất cho ngân hàng.

HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG BÁN LẺ & DOANH NGHIỆP



Kết quả năm 2023

BAOVIET Bank đã có sự tăng trưởng vượt bậc về tổng quy mô tín dụng và huy động vốn. Trong đó:

- Huy động vốn đạt mức tăng trưởng 26%, đạt gần 55.000 tỷ đồng.
- Tín dụng tăng trưởng gần 4% đạt xấp xỉ 50.000 tỷ đồng.

Theo chủ trương thận trọng, linh hoạt nắm bắt các cơ hội và chủ động đón đầu xu thế kinh doanh, Khối Ngân hàng bán lẻ và doanh nghiệp (NHBD&DN) đã hoàn thành vượt kế hoạch đa số chỉ tiêu kinh doanh, đạt được mục tiêu tăng trưởng cả về quy mô lẫn hiệu quả kinh doanh do Ban lãnh đạo Ngân hàng giao.

- Chỉ tiêu huy động vốn hoàn thành 109% kế hoạch năm 2023.
- Chỉ tiêu thu phí hoàn thành 235% kế hoạch năm 2023.
- Chỉ tiêu thu lãi thuần từ hoạt động dịch vụ hoàn thành 126% kế hoạch năm 2023.

Để có được kết quả đáng ghi nhận như vậy, Khối NHBD&DN đã thực hiện triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh linh hoạt và quyết liệt. Một số điểm sáng trong hoạt động kinh doanh như sau:

1. Hoạt động huy động vốn

Thực hiện hiệu quả các chính sách giá/phí, thu hút được nguồn vốn lớn từ dân cư trong bối cảnh lãi suất tiền gửi có sự biến động liên tục.

Xây dựng và triển khai thành công chương trình chăm sóc khách hàng ưu tiên đạt hiệu quả tốt, đặt nền móng cho năm 2024 và các năm tiếp theo.

2. Hoạt động cho vay

Đẩy mạnh cho vay KHCN thông qua mở rộng kênh đối tác liên kết nhằm xây dựng nguồn khách hàng ổn định và chất lượng: Số lượng dự án BĐS liên kết với BAOVIET Bank tăng 400% so với năm 2022, Số lượng đại lý/showroom ô tô tăng 1.000% so với 2022.

Đối với mảng cho vay KHDN: Đẩy mạnh cho vay và bán chéo, bán thêm các sản phẩm dịch vụ nhằm gia tăng hiệu quả kinh doanh. Tiếp tục đầu tư về chính sách và giá của sản phẩm trọng tâm, bám sát định hướng phát triển kinh tế của Chính phủ: Lĩnh vực sản xuất kinh doanh ô tô, lĩnh vực nông nghiệp, lĩnh vực hàng hải và cảng biển, lĩnh vực vận tải, lĩnh vực đầu tư dự án xây dựng nhà máy, khu công nghệ, khu dân cư và nhà ở thu nhập thấp, cho vay xây lắp hạ tầng.

Triển khai nhiều sản phẩm cho vay KHCN và KHDN theo hướng giản lược rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ gia tăng được lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống sản phẩm dịch vụ đa dạng và cạnh tranh về chính sách giá, phí linh hoạt bám sát tình hình thực tế của thị trường, đảm bảo hiệu quả kinh doanh và tăng trưởng dư nợ dành cho KHCN và KHDN với hơn 100 sản phẩm/dịch vụ.

3. Hoạt động khai thác hệ sinh thái TĐBV & ĐVTV

Ký kết văn bản sửa đổi thỏa thuận số 2089/2016/BVB-BVNT, thỏa thuận hợp tác với BHBV, CKBV.

Chuyển đổi thành công mô hình bán mới tại các điểm giao dịch có CRM, có đội ngũ chuyên viên tư vấn tài chính chuyên biệt phục vụ tại 40 điểm trên toàn quốc hướng tới nâng cao chất lượng phục vụ và là "cánh tay nối dài" giới thiệu các sản phẩm dịch vụ của BAOVIET Bank.

Xây dựng sản phẩm mới, mức phê duyệt đến 5 tỷ đồng tại ĐVKD đối với sản phẩm Cho vay thế chấp CBNV TĐBV.

4. Một số hoạt động khác

Triển khai nhiều hoạt động thúc đẩy kinh doanh, thi đua nội bộ nhằm thúc đẩy động lực bán hàng, gia tăng thu nhập đối với các CBNV có kết quả tốt/xuất sắc.

Thúc đẩy và hỗ trợ trực tiếp, sâu sát các ĐVKD thông qua khảo sát đơn vị, nhóm khách hàng để xây dựng chính sách sản phẩm phù hợp cạnh tranh, tạo lợi thế bán hàng.

Triển khai kịp thời và hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm khi có những biến động lớn trên thị trường, các quy định mới của Chính phủ, Bộ Tài chính.

Định hướng năm 2024

1. Đối với hoạt động mảng KHCN

Gia tăng doanh số cho vay KHCN qua hoạt động khai thác tập KHCN tiềm năng trong hệ sinh thái Bảo Việt: CBNV, Tư vấn viên và KHCN hiện hữu của BVNT thông qua việc nâng cao năng lực cạnh: phát triển sản phẩm vay chuyên biệt, mức giá phí hấp dẫn.

Mở rộng phát triển kênh liên kết đối tác, triển khai phương thức bán hàng B2C: Chủ đầu tư, sàn bất động sản và đại lý ô tô...

Đẩy mạnh các chương trình thi đua, cơ chế hoa hồng hấp dẫn để thu hút lực lượng Tư vấn viên BVNT trở thành kênh giới thiệu KHCN có nhu cầu vay, mục tiêu mở rộng "phễu bán hàng" cho kênh truyền thống tại ĐVKD.

Tăng cường các chương trình bán chéo sản phẩm BHNT qua tập khách hàng huy động, đẩy mạnh hoạt động hợp tác bền vững với BVNT.

2. Đối với hoạt động mảng KHDN

Tăng trưởng tín dụng nhóm khách hàng SMEs: SME+++, SME plus, SME fast, SME open, MSE Easy.

Ổn định và tăng trưởng nhóm gạo, tài trợ dự án vốn ngân sách nhà nước.

Phát triển chuỗi ngành ô tô: cấp tín dụng cho đại lý, hợp tác với các đại lý cho vay end user là KHDN: Tài trợ cho Đại lý Ô tô, Ô tô ++.

Tăng doanh số casa và tỷ trọng casa trong cơ cấu huy động: Tài khoản vốn chuyên dùng, quản lý dòng tiền đối với các sản phẩm cấp tín dụng.

Đẩy mạnh hợp tác với các công ty thành viên, khai thác nhóm khách hàng gara liên kết với BHBV, nhóm bệnh viện liên kết với BHBV, khai thác nhóm khách hàng của CKBV.

Ổn định và tăng trưởng nhóm khách hàng chiến lược.

KINH DOANH THẺ & NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ



Kết quả năm 2023

Thẻ và ngân hàng điện tử là hoạt động kinh doanh quan trọng trong lộ trình chuyển đổi số BAOVIET Bank đang tập trung triển khai. Năm 2023, Ngân hàng tiếp tục đạt những thành tựu đáng kể.



1. Sản phẩm dịch vụ thẻ

- Số thẻ phát hành mới đạt 9.689 thẻ, nâng tổng số thẻ kể từ khi phát hành lũy kế đến ngày 31/12/2023 lên 275.782 thẻ. Trong đó, thẻ tín dụng nội địa phát hành 1.556 thẻ, lũy kế đạt 5.131 thẻ.
- Mạng lưới giao dịch/thanh toán thẻ với 50 ATM và 40 CRM.
- Triển khai nhiều chính sách ưu đãi và chương trình khuyến mãi đặc biệt dành cho khách hàng sử dụng thẻ tín dụng nội địa, đặc biệt là cán bộ nhân viên và đội ngũ tư vấn viên BVNT.

2. Sản phẩm dịch vụ ngân hàng số

BAOVIET Bank tập trung vào việc phát triển và cải tiến dịch vụ ngân hàng số, đồng thời mở rộng phạm vi và tăng trải nghiệm của khách hàng:

- Số lượng khách hàng sử dụng ứng dụng BAOVIET Smart đạt 117.512 users vào cuối năm 2023, với 59.273 khách hàng mới đăng ký trong năm.
- Số lượng người dùng Internet Banking đạt 104.117 users, trong đó có 18.426 users mới.

- Số lượng và giá trị giao dịch ngân hàng số liên tục tăng, bao gồm dịch vụ chuyển tiền và thanh toán:
 - Dịch vụ chuyển tiền: Đạt 3.990.109 giao dịch với số tiền 39.023.133.072.448 đồng.
 - Dịch vụ thanh toán: Đạt số lượng 849.087 giao dịch với số tiền 5.560.367.421.082 đồng.
- Triển khai một số dịch vụ, tính năng mới trên BAOVIET Smart như: Hệ thống tặng quà real-time (Quà của tôi), thay đổi giao diện chức năng tài chính.

Bên cạnh đó, các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số đã được BAOVIET Bank phát triển từ trước đây được khách hàng tích cực sử dụng và đạt được các kết quả ấn tượng trong năm 2023:

- Dịch vụ thanh toán phí bảo hiểm BVNT qua Cổng thanh toán BVB eCom đạt 1.295.196.125.268 đồng với 148.613 giao dịch.
- Dịch vụ thanh toán phí bảo hiểm BVNT qua BVB Smart POS đạt doanh số 251.974.521.019 đồng với 13.314 giao dịch.
- Đặc biệt, dịch vụ thanh toán phí bảo hiểm BVNT trên BAOVIET Smart được khai thác hiệu quả tối đa, đạt doanh số 2.724.442.701.290 đồng với 243.064 giao dịch.

Định hướng năm 2024

BAOVIET Bank tiếp tục tập trung vào việc đa dạng hóa sản phẩm/dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng:

- Tiếp tục lấy khách hàng làm trung tâm, xây dựng và hoàn thiện dịch vụ để phát triển khách hàng sử dụng dịch vụ Thẻ và Ngân hàng điện tử.
- Triển khai các sản phẩm mới bao gồm cập nhật công nghệ mới nhất về phương thức định danh eKYC mở tài khoản thanh toán trực tuyến và số hóa toàn bộ sản phẩm thẻ của BAOVIET Bank trên kênh BAOVIET Smart.
- Tăng cường hoạt động thu phí bảo hiểm nhân thọ và các dịch vụ thu phí khác, quản lý dòng tiền trong hệ sinh thái TĐBV.
- Nâng cấp và hoàn thiện dịch vụ chi hộ điện tử cho CKBV, BVNT và BHBV.

Với những cam kết và định hướng rõ ràng, BAOVIET Bank hy vọng sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ và đem lại giá trị tốt nhất cho khách hàng trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

KINH DOANH TIỀN TỆ



Kết quả năm 2023

Bức tranh kinh tế toàn cầu năm 2023 nhìn chung tương đối ảm đạm do phải đối mặt với hàng loạt thách thức và bất ổn lớn từ “dư chấn” của đại dịch Covid-19 cho tới các cuộc xung đột quân sự, song vẫn có những điểm sáng tăng trưởng, trong đó có nền kinh tế Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, hoạt động kinh doanh tiền tệ của BAOVIET Bank đã bám sát thị trường, linh hoạt trong giao dịch nhằm góp phần ổn định thanh khoản, tích cực kinh doanh để mang lại doanh thu hoạt động cho Ngân hàng và đạt một số kết quả đáng ghi nhận.

Về công tác cân đối vốn toàn hệ thống: Quản lý và cân đối vốn tập trung đạt hiệu quả tốt, đảm bảo an toàn thanh khoản của hệ thống; Quản lý dự trữ bắt buộc hợp lý và đảm bảo quy định của NHNN; Quản lý tồn quỹ tiền mặt tối ưu trên toàn hệ thống; Cân đối vay/nhận gửi và cho vay/gửi tiền trên thị trường 2 đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN; Tích cực cân đối vốn với chi phí tối ưu để giảm thiểu chi phí huy động vốn toàn hàng cũng như chi phí thanh khoản, từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Về công tác kinh doanh nguồn vốn: Tận dụng các cơ hội để thực hiện kinh doanh trên thị trường liên ngân hàng; Đa dạng sản phẩm, linh hoạt các phương án kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Tổng doanh số giao dịch năm 2023 chiều vay là khoảng 323.345 tỷ đồng và 117 triệu USD, trong khi đó, chiều gửi là 211.140 tỷ đồng và gần 8.612 triệu USD.

Về hoạt động kinh doanh ngoại tệ: Luôn đảm bảo nguồn ngoại tệ đáp ứng tốt nhu cầu của ĐVKD, khách hàng và đối tác. Đồng thời, tận dụng triệt để các cơ hội kinh doanh, mở rộng hoạt động trading trên thị trường nhằm tối ưu hóa lợi nhuận. Nhờ vậy, thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ đạt hơn 43,5 tỷ đồng (tăng gần 50% so với năm 2022). Trong đó lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh hoán đổi ngoại tệ (Swap) là điểm sáng trong kết quả kinh doanh ngoại tệ trong năm vừa qua. Bên cạnh đó, BAOVIET Bank lần đầu tham gia giao dịch trên FX Matching – nền tảng giao dịch ngoại hối của LSEG (Sở Giao Dịch Chứng Khoán London) dưới sự giám sát của NHNN, đã xuất sắc nhận danh hiệu “Best Newcomer - Tân binh xuất sắc nhất năm 2023”.

Về hoạt động đầu tư và kinh doanh giấy tờ có giá (GTCG): Tích cực triển khai đầu tư, kinh doanh GTCG nhằm tối ưu hóa nguồn vốn, đa dạng hóa tài sản của Ngân hàng. Tính đến thời điểm cuối năm 2023, danh mục đầu tư GTCG đạt số dư 4.732 tỷ đồng giá trị trái phiếu chính phủ, cùng với 4.082 tỷ đồng giá trị GTCG do các tổ chức tín dụng phát hành và hơn 702 tỷ đồng giá trị danh mục kinh doanh GTCG. Những nỗ lực tìm kiếm cơ hội kinh doanh ngay cả trong điều kiện thị trường trầm lắng đã mang về khoản thu nhập thuần lên đến 122,61 tỷ đồng.

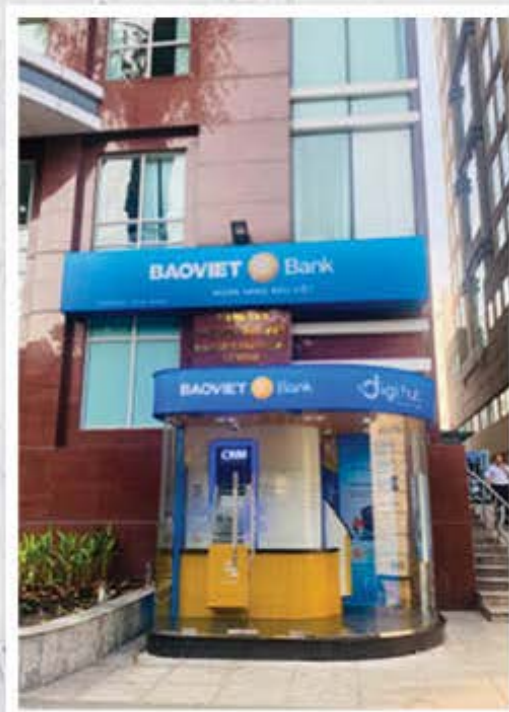
Đánh giá chung năm 2023 hoạt động kinh doanh tiền tệ đã tạo ra tổng thu nhập thuần cho BAOVIET Bank là gần 280 tỷ đồng, tăng gần 822% so với năm 2022.

Ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu cho Ngân hàng nêu trên, Khối Kinh doanh tiền tệ cũng triển khai đồng bộ các giải pháp xúc tiến, tăng cường và mở rộng các mối quan hệ giao dịch với các định chế tài chính trong và ngoài nước nhằm củng cố hình ảnh, nâng cao uy tín và cải thiện vị thế của BAOVIET Bank trên thị trường liên ngân hàng. Minh chứng cho thành quả của các hoạt động này là hạn mức các định chế tài chính cấp cho BAOVIET Bank đã phát triển theo chiều hướng tích cực, đáp ứng tốt yêu cầu kinh doanh của Ngân hàng. Cụ thể: hạn mức MM tăng 17%, hạn mức FX: tăng 565% so với năm 2022.

Định hướng năm 2024

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm 2023, Khối Kinh doanh tiền tệ sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội kinh doanh và gia tăng tối đa lợi nhuận cho Ngân hàng.
- Mở rộng và cấp, quản lý hạn mức giao dịch cho các định chế tài chính đảm bảo yêu cầu kinh doanh kết hợp quản lý rủi ro hiệu quả.



DANH SÁCH MẠNG LƯỚI CỦA BAOVIET Bank

TP. HÀ NỘI
Hội sở chính / Trung tâm Kinh doanh
Tầng 1-5, Số 16 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
CN Sở giao dịch
Số 08 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
PGD Ba Đình
Số 07 Kim Mã, P. Kim Mã, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
PGD Tôn Đức Thắng
Số 245 Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
PGD Đào Tấn
Số 14 Đào Tấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
PGD Mỹ Đình
Tầng 1&2, Ô số 06, Khu A1&A2, Khu đấu giá QSD đất Mỹ Đình, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
PGD Hà Đông
Số 229 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội
CN Hà Nội
Tòa nhà Le Capitole, Số 27 Thái Thịnh, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
PGD Hai Bà Trưng
Số 398 Trần Khát Chân, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
PGD Hoàn Kiếm
Tầng 1, Tòa nhà số 07 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
PGD Lê Trọng Tấn
Số 20 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

CN Cầu Giấy
Tòa nhà The Park Home, Lô đất N02, Ô D12, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
TP. HẢI PHÒNG
CN Hải Phòng
Tòa nhà Bảo Việt Nhân Thọ Hải Phòng, Khu đô thị mới ngã năm sân bay Cát Bi, Đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
PGD Hồng Bàng
Số 99 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
PGD Văn Cao
Số 252-254 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
PGD Lê Chân
Số 268 Trần Nguyên Hân, Phường Trần Nguyên Hân, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng
QUẢNG NINH
CN Quảng Ninh
Ô số 12 và 13 - Lô A10, Khu đô thị mới hiện đại phía đông Hòn Cặp Bè, Phường Hồng Hải, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
BẮC NINH
CN Bắc Ninh
Số 12A Lý Thái Tổ, Phường Suối Hoa, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
THÁI NGUYÊN
CN Thái Nguyên
Số 51 Hoàng Văn Thụ, Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
LÀO CAI
CN Lào Cai
Số 501 đường Hoàng Liên, Phường Kim Tân, TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

DANH SÁCH MẠNG LƯỚI CỦA BAOVIET Bank

<div>THANH HÓA</div> <div>CN Thanh Hóa</div> <div>Số 666 Bà Triệu, Phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa</div>	<div>KHÁNH HÒA</div> <div>CN Khánh Hòa</div> <div>Số 08A Đinh Tiên Hoàng, Phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa</div> <div>PGD Nha Trang</div> <div>Căn hộ 24.A Chung cư CT1, Ô HH3, Khu đô thị VCN Phước Hải, Phường Phước Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa</div>
<div>NGHỆ AN</div> <div>CN Nghệ An</div> <div>Số 2 Nguyễn Sỹ Sách, Phường Hưng Bình, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An</div> <div>PGD Trường Thi</div> <div>Số 235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Trường Thi, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An</div> <div>PGD Bến Thủy</div> <div>Số 172N Nguyễn Du, Phường Bến Thủy, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An</div> <div>PGD Bắc Vinh</div> <div>KD2, Tầng 1, Tòa nhà A3-Handico 30, Đại lộ V.I. Lê Nin, Nghi Phú, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An</div>	<div>ĐẮK LẮK</div> <div>CN Đắk Lắk</div> <div>Số 52 Nguyễn Tất Thành, Phường Tự An, TP. Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk</div> <div>PGD Ngô Quyền</div> <div>Số A1 Ngô Quyền, Phường Tân An, TP. Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk</div> <div>PGD Buôn Hồ</div> <div>Số 598 Hùng Vương, Phường An Bình, Thị xã Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk</div> <div>PGD Ea Kar</div> <div>Số 206 Nguyễn Tất Thành, Thị trấn Ea Kar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk</div>
<div>TP. ĐÀ NẴNG</div> <div>CN Đà Nẵng</div> <div>Số 297-299 Đồng Đa, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng</div> <div>PGD Ngũ Hành Sơn</div> <div>Số 159 Ngũ Hành Sơn, Phường Bắc Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng</div> <div>PGD Hải Châu</div> <div>Số 158 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng</div> <div>PGD Thanh Khê</div> <div>Số 333 Trần Cao Vân, Phường Xuân Hà, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng</div>	<div>BÌNH ĐỊNH</div> <div>CN Bình Định</div> <div>Số 40 Nguyễn Thái Học, Phường Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định</div> <div>GIA LAI</div> <div>CN Gia Lai</div> <div>Số 07B Hai Bà Trưng, Phường Tây Sơn, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai</div>

DANH SÁCH MẠNG LƯỚI CỦA BAOVIET Bank

<div>TP. HỒ CHÍ MINH</div> <div>Văn phòng đại diện TP. HCM</div> <div>Số 233 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh</div> <div>CN TP. Hồ Chí Minh</div> <div>Số 233 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh</div> <div>PGD Âu Cơ</div> <div>Số 830 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh</div> <div>PGD Hàng Xanh</div> <div>Số 356A Lê Quang Định, Phường 11, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh</div> <div>PGD Nguyễn Thái Sơn</div> <div>Số 17A2-87 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh</div> <div>PGD Phú Mỹ Hưng</div> <div>Số 966 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh</div> <div>PGD Phú Nhuận</div> <div>Số 74 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh</div> <div>CN Sài Gòn</div> <div>Số 94-96 Ngô Gia Tự, Phường 9, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh</div> <div>PGD Phú Lâm</div> <div>Số 629 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh</div> <div>PGD An Đông</div> <div>Số 97J Nguyễn Duy Dương, Phường 9, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh</div> <div>PGD Đồng Sài Gòn</div> <div>Số 145 Lương Định Của, Khu phố 3, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh</div> <div>PGD Lạc Long Quân</div> <div>Số 1055 Lạc Long Quân, Phường 11, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh</div>	<div>CN Nam Sài Gòn</div> <div>Số 2030 Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 7, Thị trấn Nhà Bè, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh</div> <div>TP. CẦN THƠ</div> <div>CN Cần Thơ</div> <div>Số 90-92 Trần Văn Khéo, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ</div> <div>PGD Hưng Phú</div> <div>Số 18 Trần Văn Trà, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ</div> <div>PGD Xuân Khánh</div> <div>Số 39 Trần Văn Hoài, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ</div> <div>PGD Ninh Kiều</div> <div>Số 381 Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ</div> <div>BÌNH DƯƠNG</div> <div>CN Bình Dương</div> <div>Số 326 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương</div> <div>PGD Dĩ An</div> <div>Số 1 Nguyễn An Ninh, Khu TTHC, Khu Phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương</div> <div>ĐỒNG NAI</div> <div>CN Đồng Nai</div> <div>Số 61 Đồng Khởi, Khu phố 3, Phường Tam Hòa, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai</div> <div>KIÊN GIANG</div> <div>CN Kiên Giang</div> <div>Số 511 Nguyễn Trung Trực, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang</div>
--	---

Vay vốn dễ dàng
Vững vàng tài chính



ƯU ĐÃI VAY
TIÊU DÙNG, SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐÁP ỨNG MỌI NHU CẦU VỐN



1900 55 88 48



www.baovietbank.vn



[nganhangbaoviet](https://www.facebook.com/nganhangbaoviet)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tài liệu này là tài sản của Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BAOVIET Bank),
không tổ chức và cá nhân nào được phép sao chép, chỉnh sửa.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (gọi tắt là “Ngân hàng”), được lập Ngày 25 tháng 03 năm 2024, từ trang 04 đến trang 53, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, Ngày 25 tháng 03 năm 2024

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY



HOÀNG ĐÌNH HẢI - Phó Giám đốc

Handwritten signature of Trần Hồng Giang

TRẦN HỒNG GIANG - Kiểm toán viên

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B02/TCTD
Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	168.774.764.643	158.666.511.343
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”)	5	1.200.566.602.815	1.161.172.665.580
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	6	15.591.855.009.102	11.703.342.817.456
1.	Tiền gửi tại TCTD khác		15.591.855.009.102	11.703.342.817.456
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	702.574.004.000	450.834.288.772
1.	Chứng khoán kinh doanh		702.574.004.000	454.241.097.000
2.	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	(3.406.808.228)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	16	-	15.116.650.000
VI	Cho vay khách hàng		40.910.750.515.231	32.872.247.373.052
1.	Cho vay khách hàng	8	41.399.461.094.975	33.195.909.006.048
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(488.710.579.744)	(323.661.632.996)
VII	Hoạt động mua nợ	10	4.717.734.047.375	6.588.775.083.122
1.	Mua nợ		4.753.384.430.605	6.647.959.102.860
2.	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(35.650.383.230)	(59.184.019.738)
VIII	Chứng khoán đầu tư	11	13.856.689.966.707	19.397.389.321.252
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		11.536.991.637.916	17.452.321.414.930
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		3.354.273.690.778	2.972.919.558.989
3.	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(1.034.575.361.987)	(1.027.851.652.667)
IX	Tài sản cố định	12	119.421.919.390	111.536.484.831
1.	Tài sản cố định hữu hình	12.1	76.984.437.015	75.195.445.660
a.	Nguyên giá tài sản cố định		250.351.655.081	217.009.786.202
b.	Hao mòn tài sản cố định		(173.367.218.066)	(141.814.340.542)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	12.2	-	884.769.418
a.	Nguyên giá tài sản cố định		-	2.256.220.000
b.	Hao mòn tài sản cố định		-	(1.371.450.582)
3.	Tài sản cố định vô hình	12.3	42.437.482.375	35.456.269.753
a.	Nguyên giá tài sản cố định		170.483.064.321	147.365.129.384
b.	Hao mòn tài sản cố định		(128.045.581.946)	(111.908.859.631)
IX	Tài sản Có khác	13	7.376.541.654.544	5.811.873.375.370
1.	Các khoản phải thu		1.458.468.110.586	1.160.406.208.054
2.	Các khoản lãi, phí phải thu		5.453.336.548.459	4.186.614.259.729
3.	Tài sản Có khác		464.736.995.499	464.852.907.587
	TỔNG TÀI SẢN		84.644.908.483.807	78.270.954.570.778

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B02/TCTD Đơn vị: VND			
STT	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	1.500.649.214.980
I	Tiền gửi và vay các TCTD khác	14	24.058.024.614.688
1.	Tiền gửi của các TCTD khác	21.330.365.863.756	22.646.111.043.711
2.	Vay các TCTD khác	2.727.658.750.932	5.724.240.234.833
II	Tiền gửi của khách hàng	15	52.848.413.124.766
III	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	16	52.591.090.000
IV	Phát hành giấy tờ có giá	17	1.823.916.344.157
V	Các khoản nợ khác	18	2.060.437.395.537
1.	Các khoản lãi, phí phải trả	1.845.771.425.138	1.144.451.246.759
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác	214.665.970.399	195.559.759.019
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		80.843.382.569.148	74.535.708.665.849
VI. Vốn và các quỹ			
1.	Vốn của Ngân hàng	20	3.150.000.000.000
	Vốn điều lệ	3.150.000.000.000	3.150.000.000.000
2.	Quỹ của Ngân hàng	20	199.242.129.108
3.	Lợi nhuận chưa phân phối	20	452.283.785.551
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.801.525.914.659	3.735.245.904.929
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		84.644.908.483.807	78.270.954.570.778

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B02/TCTD
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
1.	Bảo lãnh vay vốn	-	10.097.662.233
2.	Cam kết giao dịch hối đoái	11.254.576.970.000	2.041.188.650.000
a.	Cam kết mua ngoại tệ	-	141.320.000.000
b.	Cam kết bán ngoại tệ	-	141.450.000.000
c.	Cam kết giao dịch hoán đổi	11.254.576.970.000	1.758.418.650.000
3.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	366.301.100.000	874.950.853.264
4.	Bảo lãnh khác	475.284.846.287	290.277.216.384
5.	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	2.733.969.859.874	2.298.169.869.779
6.	Nợ khó đòi đã xử lý	2.435.622.774.166	1.695.207.239.933
7.	Tài sản và chứng từ khác	127.832.109.108.480	119.732.761.592.390

Người phê duyệt

Cao Nam Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người phê duyệt

Nguyễn Quỳnh Anh
Kế toán trưởng

Người lập

Vương Thị Ngọc Lan
TP. Kế toán tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

			Mẫu số B03/TCTD	
			Đơn vị: VND	
STT	CHỈ TIÊU		Năm nay	Năm trước
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21	5.783.350.951.654	3.602.122.689.713
2.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	(4.383.104.252.602)	(2.803.469.859.793)
I.	Thu nhập lãi thuần		1.400.246.699.052	798.652.829.920
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		783.043.735.175	626.665.321.002
4.	Chi phí hoạt động dịch vụ		(65.824.360.101)	(55.114.157.019)
II.	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	23	717.219.375.074	571.551.163.983
III.	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	24	46.074.343.051	32.505.601.375
IV.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	25.1	52.298.642.852	32.331.876.268
V.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	25.2	(56.009.447.218)	(124.932.310.420)
	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán		(3.710.804.366)	(92.600.434.152)
5.	Thu nhập từ hoạt động khác		129.691.518.247	113.989.019.644
6.	Chi phí từ hoạt động khác		(321.826.191.944)	(30.059.194.218)
VI.	Lãi thuần từ hoạt động khác	26	(192.134.673.697)	83.929.825.426
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		-	-
	Tổng thu nhập hoạt động		1.967.694.939.114	1.394.038.986.552
7.	Chi phí nhân viên		(346.937.032.084)	(350.332.984.934)
8.	Chi phí khấu hao và khấu trừ		(47.473.370.544)	(38.987.541.659)
9.	Chi phí hoạt động khác		(412.426.660.531)	(352.001.819.658)
VII.	Tổng chi phí hoạt động	27	(806.837.063.159)	(741.322.346.251)
VIII.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.160.857.875.955	652.716.640.301
IX.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	28	(1.072.164.595.069)	(562.503.667.265)
X.	Tổng lợi nhuận trước thuế		88.693.280.886	90.212.973.036
10.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	(17.913.271.156)	(19.711.554.391)
11.	Chi phí/Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	-
XI.	Chi phí thuế TNDN		(17.913.271.156)	(19.711.554.391)
XII.	Lợi nhuận sau thuế		70.780.009.730	70.501.418.645
XIII.	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)		225	210

Người phê duyệt

Người phê duyệt

Người lập



Cao Nam Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Quỳnh Anh
Kế toán trưởng

Vương Thị Ngọc Lan
TP. Kế toán tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


		Mẫu số B04/TCTD	
		Đơn vị: VND	
Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	4.516.628.662.924	2.951.147.409.739	
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(3.681.784.074.223)	(2.454.344.005.387)	
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	717.219.375.074	571.551.163.983	
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán	22.928.320.230	(29.049.891.484)	
Chi hoạt động khác	(319.846.607.921)	(28.796.074.206)	
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	127.711.934.224	112.725.899.632	26
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ	(791.276.749.623)	(673.656.900.807)	
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(19.219.069.498)	(15.073.346.762)	19
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	572.361.791.187	434.504.254.708	
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm các khoản tiền và cho vay các TCTD khác	-	100.000.000.000	
Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	5.285.642.738.225	673.866.925.300	
Giảm/(Tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/công nợ tài chính khác	15.116.650.000	(7.696.015.000)	
Tăng các khoản cho vay khách hàng	(6.308.977.416.672)	(14.411.341.909.766)	
(Giảm) nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản nợ xấu, trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu đặc biệt	(423.808.765.282)	(14.871.757.662)	11.3
(Giảm) nguồn dự phòng để tất toán số dư nợ đã bán cho VAMC	(484.088.400.000)	-	9
Tăng khác về tài sản hoạt động	(299.101.211.731)	(483.995.957.417)	
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
(Giảm)/Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN	(1.500.649.214.980)	1.500.649.214.980	
(Giảm)/Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác	(4.312.326.663.856)	6.884.515.624.533	
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)	11.463.400.678.491	4.307.068.423.034	
Giảm phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	(115.768.376.115)	(323.074.950.973)	
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	52.591.090.000	-	
Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	49.046.544.211	(7.230.322.519)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	3.993.439.443.478	(1.347.606.470.782)	

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


	minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(55.226.219.297)	(34.146.353.255)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(55.226.219.297)	(34.146.353.255)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(198.842.000)	(195.177.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(198.842.000)	(195.177.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.938.014.382.181	(1.381.948.001.537)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		13.023.181.994.379	14.405.129.995.916
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	30	16.961.196.376.560	13.023.181.994.379

Người phê duyệt




Cao Nam Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người phê duyệt



Nguyễn Quỳnh Anh
Kế toán trưởng

Người lập



Vương Thị Ngọc Lan
TP. Kế toán tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (sau đây gọi tắt là “BVB” hoặc “Ngân hàng”) là công ty liên kết của Tập đoàn Bảo Việt và do Tập đoàn Bảo Việt sở hữu 49,52% vốn điều lệ. Tập đoàn Bảo Việt là một doanh nghiệp Nhà nước đã được cổ phần hóa (trước khi cổ phần hóa là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam) và chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 15 tháng 10 năm 2007.

Ngân hàng được thành lập ngày 11 tháng 12 năm 2008 theo Giấy phép số 328/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 vào ngày 19 tháng 08 năm 2021.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các hoạt động ngân hàng theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động và Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số vốn điều lệ của Ngân hàng là 3.150.000.000.000 VND.

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại tầng 1 và tầng 5, tòa nhà Corner Stone, số 16 Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tổng số điểm mạng lưới của Ngân hàng đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là hai mươi hai (22) chi nhánh trong nước, một (01) văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.570 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.419 người).

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Các thay đổi trong chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, ngoại trừ:

Thông tư số 18/2022/TT-NHNN sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc NHNN về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 18”).

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, NHNN ban hành Thông tư 18 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Thông tư 18 bổ quy định về việc TCTD tự tổ chức bán đấu giá khoản nợ, đồng thời sửa đổi, bổ sung các quy định về:

- Nguyên tắc thực hiện mua bán nợ;
- Mua, bán nợ trong trường hợp bên mua nợ chưa thanh toán đủ số tiền mua nợ;
- Quản lý theo dõi trong trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho nhiều bên mua nợ;
- Quản lý đối với các khoản nợ đã mua, bán; và
- Xử lý tài chính, hạch toán kế toán đối với khoản nợ đã mua, bán.

Thông tư 18 có hiệu lực thi hành từ ngày 9 tháng 2 năm 2023.

Thông tư số 02/2023/TT-NHNN của Thống đốc NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn (“Thông tư 02”).

Ngày 23 tháng 4 năm 2023, NHNN ban hành Thông tư 02 quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, trích lập dự phòng rủi ro nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng; các nội dung chính bao gồm:

- Quy định điều kiện của các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ;
- Quy định về việc trích lập dự phòng cụ thể, dự phòng cụ thể bổ sung, dự phòng chung, dự thu lãi đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

Thông tư 02 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực đến hết ngày 30/06/2024.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày kết thúc năm tài chính nếu tỷ giá này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày hôm đó (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 tại Thuyết minh số 42). Trường hợp tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày kết thúc năm tài chính chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày hôm đó thì Ngân hàng sử dụng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ngày kết thúc năm tài chính để quy đổi. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Tại thời điểm cuối năm, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, kim loại quý, tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

Các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 (“Thông tư 11”) của NHNN. Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của NHNN về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội) tại các TCTD khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và gửi tiền tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài và cho vay các TCTD khác tương tự như đối với các khoản cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Thông tư 11, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 11 được áp dụng với các tài sản Có (gọi tắt là “nợ”) bao gồm:

- Cho vay;
- Cho thuê tài chính;
- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- Bao thanh toán;
- Các khoản cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;
- Các khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng;
- Số tiền mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom (sau đây gọi tắt là trái phiếu chưa niêm yết), không bao gồm mua trái phiếu chưa niêm yết bằng nguồn vốn ủy thác mà bên ủy thác chịu rủi ro;
- Ủy thác cấp tín dụng;
- Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của NHNN về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và gửi tiền tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài;
- Mua, bán nợ theo quy định của NHNN về hoạt động mua, bán nợ;
- Mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;
- Mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành.

Theo đó, nhóm nợ của khách hàng là nhóm nợ có rủi ro cao hơn khi thực hiện phân loại nợ đồng thời theo Điều 10, Điều 11 của Thông tư 11 và nhóm nợ của khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng (“CIC”) của NHNN cung cấp tại thời điểm phân loại nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngân hàng áp dụng Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 (“Thông tư 01”) do NHNNVN ban hành quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19; Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 2 tháng 4 năm 2021 (“Thông tư 03”) do NHNNVN ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 7 tháng 9 năm 2021 (“Thông tư 14”) do NHNNVN ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ phát sinh trước ngày 1 tháng 8 năm 2021 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19, thì Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ như sau:

Thời điểm phát sinh khoản nợ	Khoảng thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ	Tình trạng quá hạn	Khoảng thời gian phát sinh quá hạn	Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ
Trước 23/1/2020	Từ 23/1/2020 đến 30/6/2022	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 30/3/2020 đến 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020.
Từ 23/1/2020 đến trước 1/8/2021		Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 17/5/2021 đến trước 17/7/2021 hoặc từ 7/9/2021 đến 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu.
Trước 23/1/2020		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 29/3/2020	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020.
Từ 23/1/2020 đến trước 10/6/2020		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến trước 17/5/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn.
Từ 10/6/2020 đến trước 1/8/2021		Quá hạn	Từ 17/7/2021 đến trước 7/9/2021	

Năm 2023, Ngân hàng áp dụng thêm Thông tư 02, theo đó, các khoản nợ phát sinh trước ngày 24/04/2023 và có nghĩa vụ trả nợ từ 24/04/2023 đến 30/06/2024, chưa đến hạn hoặc quá hạn không quá 10 ngày được xem xét cơ cấu lại hạn không quá 12 tháng tùy theo điều kiện khó khăn và đánh giá nguồn trả nợ của khách hàng.

Đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại và không tiếp tục được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo các quy định hiện hành: Ngân hàng thực hiện phân loại nợ theo Thông tư 11, trong đó có tính đến số lần cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ.

Các khoản nợ được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Nợ xấu là các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Các khoản nợ được phân loại và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng vào thời điểm cuối mỗi tháng và được ghi nhận hạch toán vào tháng tiếp theo. Dự phòng rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm đó.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản nợ được tính bằng giá trị còn lại của khoản nợ trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được khấu trừ theo các tỷ lệ được quy định trong Thông tư 11. Dự phòng cụ thể được trích lập dựa trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản nợ theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Theo Thông tư 03, Ngân hàng cần thực hiện trích dự phòng cụ thể đối với các khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo quy định tại Thông tư này như sau:

- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021: tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022: tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung, và;
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Theo thông tư 02, Ngân hàng cần trích dự phòng cụ thể đối với các khách hàng có số dư nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư này như sau:

- Đến thời điểm 31/12/2023: Tối thiểu 50% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến thời điểm 31/12/2024: Trích thêm số còn lại để đủ 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Theo Thông tư 11, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4 tại ngày 31 tháng 12, ngoại trừ các khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng trong nước, chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng nước ngoài; các khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với tổ chức tín dụng, chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam; các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước; và các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ theo quy định tại Thông tư 11.

Bán nợ cho công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (“VAMC”)

Ngân hàng thực hiện bán nợ cho VAMC theo giá trị ghi sổ theo nghị định 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 09 tháng 07 năm 2013 về “thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam”, Thông tư số 19/2013/TT-NHNN “Quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam” và công văn số 8499/NHNN-TCKT về việc “hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD”. Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó và nhận dưới dạng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, Ngân hàng tiến hành hạch toán tất toán nợ gốc và dự phòng cho vay khách hàng và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ đã bán.

Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Ngân hàng sử dụng nguồn dự phòng rủi ro cụ thể đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch giữa dự phòng rủi ro đã trích lập và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi được sẽ ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên khoản mục “Thu nhập khác”.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Ngân hàng thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 9, Điều 10 hoặc Điều 11 của Thông tư 11. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hân và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo. Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thực thu.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Chứng khoán được phân loại là tài sản Có được lập dự phòng theo Thông tư 11. Chứng khoán không được phân loại là tài sản Có được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh”.

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ mà Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu nhập lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng trong thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được phân loại là tài sản Có được lập dự phòng theo Thông tư 11. Chứng khoán không được phân loại là tài sản Có được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hân với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất, và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hân trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán.

Định kỳ, chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được phân loại là tài sản Có được trích lập dự phòng theo Thông tư 11. Chứng khoán không được phân loại là tài sản Có được trích lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

Đối với trái phiếu phát sinh từ nghiệp vụ mua bán nợ với Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”), Ngân hàng trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 và theo các văn bản khác có liên quan của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phân loại lại

Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước, việc phân loại lại sau khi mua chỉ được thực hiện tối đa một (01) lần đối với mỗi khoản mục chứng khoán đã đầu tư. Trong những trường hợp đặc biệt hoặc khi có số lượng lớn chứng khoán phải phân loại lại (lớn hơn hoặc bằng 50% giá trị khoản mục), Ngân hàng sẽ thực hiện thuyết minh trên báo cáo tài chính về sự tác động của việc phân loại lại trong tổng tài sản, công nợ, nguồn vốn cũng như thu nhập và chi phí của Ngân hàng.

Ghi nhận

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác tại ngày Ngân hàng ký kết và thực hiện theo điều khoản hợp đồng có hiệu lực (kể toán theo ngày giao dịch). Chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo các chính sách kế toán trình bày ở phần trên.

Dừng ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc khi Ngân hàng đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của các khoản đầu tư.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tại thời điểm nhận tài sản thuê, Ngân hàng ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản cố định thuê tài chính và nợ phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê. Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia thành chi phí tài chính (số tiền lãi thuê tài chính) và khoản phải trả nợ gốc từng kỳ sao cho số tiền thanh toán mỗi kỳ bằng nhau.

Ngân hàng tính, trích khấu hao tài sản cố định thuê tài chính vào chi phí khấu hao trên cơ sở áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Ngân hàng. Nếu không chắc chắn là Ngân hàng sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Giá trị tài sản thuê hoạt động không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán. Tiền thuê phải trả được hạch toán theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục chi phí hoạt động khác trong suốt thời hạn thuê tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định.

Loại tài sản	Thời gian hữu dụng ước tính (số năm)
Máy móc, thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	04
Phần mềm máy tính	05
Tài sản cố định vô hình khác	03

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Ngân hàng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời hạn từ một năm trở lên và không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng trong hoạt động ngân hàng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo. Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí hoạt động” trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

Các hợp đồng phái sinh tiền tệ của Ngân hàng bao gồm hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi. Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa.

Đối với các hợp đồng phái sinh tiền tệ này, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng tại khoản mục “Các khoản lãi, phí phải thu” hoặc “Các khoản lãi, phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục “Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trong suốt kỳ hạn của hợp đồng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi được đánh giá lại và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ của các hợp đồng kỳ hạn được hạch toán vào khoản mục “Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng khác

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi Ngân hàng có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Ngân hàng có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng khác được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Vốn và các quỹ

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12, Luật 17/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD và Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

Quỹ	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	

Các quỹ khác được trích lập theo nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

Doanh thu và chi phí

Thu nhập và chi phí lãi

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 11, lãi phải thu của số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn (nhóm 1) theo quy định tại Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14 sẽ không được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Ngân hàng thực nhận.

Doanh thu lãi và chi phí lãi của các khoản chứng khoán đầu tư được hạch toán theo nguyên tắc dự thu, dự chi. Đối với các khoản lãi dự thu phát sinh từ các khoản chứng khoán đầu tư bị quá hạn sẽ không được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và các khoản dự thu này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Ngân hàng thực nhận.

Thu nhập từ phí dịch vụ và hoa hồng

Các khoản thu nhập từ phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở dự thu.

Thu nhập từ hoạt động bảo lãnh, hoạt động thư tín dụng

Các khoản thu nhập từ phí bảo lãnh, thư tín dụng được hạch toán trên cơ sở dự thu, phân bổ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tài chính, đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng hạch toán giảm doanh thu nếu cùng năm tài chính hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác năm tài chính và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Ngân hàng sẽ hạch toán vào “Thu nhập từ hoạt động khác” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Ngân hàng căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Ngân hàng có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lợi ích của nhân viên

Mức lương hưu hằng tháng

Ngân hàng phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương chức danh hàng tháng cho thời gian làm việc tại Ngân hàng của người lao động. Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận lương hưu hằng tháng từ Cơ quan Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội khi đáp ứng đủ các điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2019, Ngân hàng có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động thôi việc, trừ trường hợp đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và trường hợp người lao động tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên.

Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Trợ cấp mất việc

Theo Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2019, Ngân hàng có trách nhiệm trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động đã làm việc thường xuyên cho mình từ 12 tháng trở lên mà bị mất việc làm do thay đổi cơ cấu, công nghệ, vì lý do kinh tế, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập; bán, cho thuê, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; chuyển nhượng quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của doanh nghiệp. Mỗi năm làm việc được trả 01 tháng lương nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động mất việc làm.

Thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc làm là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật việc làm năm 2013, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương tháng của những người lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - Kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - Có góp vốn vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - Có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành của Ngân hàng;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một tổ chức trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Cần trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cần trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cần trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.